

Số: /2020/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 100/TTr-SNN ngày 12/06/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2020 và bãi bỏ Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân công, phân cấp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ pháp chế, Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng, các Ban HĐND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, CNN, KGVX, TTTT, TKCT;
- + Lưu: VT, NNThăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Thanh Sơn

QUY ĐỊNH

Một số nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày /7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

- Cơ quan thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản về an toàn thực phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, thẩm định

Tuân thủ theo nguyên tắc quản lý an toàn thực phẩm quy định tại Điều 3, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 và đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo, công khai, minh bạch.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ và chỉ đạo các Chi cục quản lý Nhà nước chuyên ngành trực thuộc Sở thẩm định, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở, cụ thể:

a) Cơ sở trồng trọt, kể cả hoạt động sơ chế tại cơ sở trồng trọt.

b) Cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, sơ chế sản phẩm có nguồn gốc động vật.

c) Cơ sở nuôi trồng thủy sản.

d) Cơ sở sơ chế, chế biến nông sản (sản phẩm có nguồn gốc động, thực vật), thủy sản độc lập; cơ sở kinh doanh nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, kinh doanh muối ăn trong nước; kho lạnh bảo quản nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất nông, lâm, thủy sản gắn liền với sản xuất vật liệu bao gói; nước đá dùng cho bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ sở sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông, lâm, thủy sản.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao nhiệm vụ và chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thành phố thẩm định, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chế biến nông, lâm, thủy sản.

3. Một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự thẩm định, chứng nhận bởi một cơ quan. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc thẩm quyền quản lý từ 02 đơn vị trở lên thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Đoàn liên ngành thẩm định, đánh giá (cơ sở có khối lượng sản phẩm nhiều, chiếm ưu thế thuộc cơ quan quản lý nào thì cơ quan đó chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan lập danh sách thành viên Đoàn gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn xem xét quyết định).

Điều 5. Cơ quan quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao nhiệm vụ và chỉ đạo:

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thành phố thực hiện ký Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản do Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thuộc đối tượng quy định tại khoản 8, 9, 10 Điều 3 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Quản lý và thực hiện ký Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn đối với cơ

sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh nhỏ lẻ không có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; các trang trại đạt tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí kinh tế trang trại.

Điều 6. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm được thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thì cơ quan đó cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm.

2. Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản được thực hiện theo Điều 17, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện quy định về quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm; thành lập Đoàn thẩm định liên ngành.

3. Phân công cho các Chi cục Quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản theo điều 4 quy định này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thẩm định, cấp Giấy chứng nhận thuộc phạm vi quản lý.

4. Trường hợp có phát sinh loại hình sản xuất, kinh doanh mới thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc có biến động về tổ chức, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Sở quyết định phân công quản lý cho các cơ quan kiểm tra cấp tỉnh, đồng thời hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phân công cho cơ quan kiểm tra.

Điều 8. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện hàng năm theo quy định.

Điều 9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cung cấp danh sách các cơ sở đăng ký mới, dừng hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thực phẩm nông, lâm, thủy sản do ngành nông nghiệp quản lý cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ vào ngày 15/6 và 15/12 hàng năm để thống kê, rà soát phục vụ thẩm định tại cơ sở.

Điều 10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo quy định.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định, đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được phân công trên địa bàn; thông báo công khai danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện, không đủ điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và cơ sở không chấp hành nội dung cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

3. Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; xây dựng kế hoạch kiểm tra và thực hiện kiểm tra các nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Lưu trữ hồ sơ tài liệu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

4. Bố trí cân đối nguồn lực, kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân công, phân cấp tại địa phương.

5. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các hoạt động về quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý.

6. Cập nhật, rà soát, thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện và của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 11. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Điều 11 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 12. Chế độ báo cáo

Cơ quan thẩm định, cấp giấy chứng nhận, cơ quan quản lý quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này có trách nhiệm báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo định kỳ: Báo cáo 6 tháng đầu năm gửi trước 20 tháng 6 (thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo); Báo cáo năm gửi trước 20 tháng 12 (thời gian chốt số liệu được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo). Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại địa phương đề theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Điều 13. Quy định chuyển tiếp

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và các cơ sở đã thực hiện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn trước ngày Quyết định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận .

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Thanh Sơn